TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ DĨ AN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 121/2019/DS-ST
Ngày 28-11-2019
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Liễng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thụy Vân Hà.
2. Bà Nguyễn Thị Thu Vân.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Trung Hiếu, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 364/2019/TLST-DS ngày 18 tháng 9 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 155/2019/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn M; trụ sở: Tầng 12, tòa nhà TNR, số 54, Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Lê Bảo N, sinh năm 1992; địa chỉ: Tầng 9, tòa nhà S, Phường 12, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 27/11/2019). Có mặt.

2/ Bị đơn: Bà Liễu Thị Minh N, sinh năm 1992; địa chỉ: Số 49 (số cũ 02/23B) đường N, khu phố T, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 12/8/2019, quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 29/11/2018, bà Liễu Thị Minh N có ký Hợp đồng tín dụng số 1000318110287720 với Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn M (gọi tắt là Công ty M) để vay số tiền 21.100.000đ, trong đó có 1.100.000đ phí bảo hiểm, thời hạn 36 tháng, lãi suất 3,92%/tháng, mục đích để tiêu dùng cá nhân; lãi suất chậm trả và phạt vi phạm được quy định trong "bản điều khoản điều kiện". Công ty M đã giải ngân cho bà N đủ số tiền trên. Theo thỏa thuận, bà N có trách nhiệm thanh toán khoản nợ trên vào ngày 29 hàng tháng, mỗi tháng trả 1.116.000đ. Bà N đã thanh toán được 03 lần với số tiền 3.354.000đ, sau đó không thanh toán nữa. Do bà N vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Công ty M khởi kiện yêu cầu bà N trả nợ tính đến ngày 06/8/2019 là 24.347.145đ, trong đó: Nợ gốc 20.205.501đ, nợ lãi 4.129.644đ, phí 12.000đ. Đồng thời yêu cầu bà N tiếp tục trả tiền lãi từ ngày 07/8/2019 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn rút 01 phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản phạt vi phạm hợp đồng 8% là 3.592.000 đ.

- Đối với bị đơn bà Liễu Thị Minh N: Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án yêu cầu bị đơn có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuy nhiên, bị đơn không có ý kiến gì, không cung cấp tài liệu chứng cứ liên quan khoản vay. Việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được xem xét trên cơ sở chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

+ Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã chấp hành và tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa vào các ngày 11/11/2019, 28/11/2019 nhưng vắng mặt không có lý do, vì vậy Tòa án căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự là đúng.

+ Về nội dung vụ án đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Đối với việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Tòa án đình chỉ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Quá trình tố tụng, Tòa án đã tống đạt văn bản tố tụng yêu cầu bị đơn tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 24/10/2019 nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị không hòa giải, do vậy vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do, Tòa án căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[1.2] Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn rút 01 phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản phạt vi phạm hợp đồng 8% là 3.592.000đ. Việc rút yêu cầu của nguyên đơn là tự nguyện nên căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đình chỉ xét xử 01 phần yêu cầu khởi kiện.

[2] Về nội dung: Xét hợp đồng tín dụng số 1000318110287720 ngày 29/11/2018 được giao kết giữa Công ty M với bà Liễu Thị Minh N thể hiện ý chí tự nguyện thỏa thuận giữa hai bên không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, có hiệu lực bắt buộc thi hành. Tòa án đã thông báo yêu cầu bà N cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh việc thanh toán xong khoản vay nhưng bà N không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Liễu Thị Minh N đã nhận đủ số tiền vay và thanh toán cho Công ty M được 3.354.000đ. Sau đó bà N không thanh toán nữa, từ khi Công ty M khởi kiện cho đến thời điểm hiện nay, bà N không thanh toán thêm bất kỳ khoản nợ nào khác. Như vậy, bà N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo thỏa thuận nên Công ty M căn cứ vào thỏa thuận giữa hai bên, quy định trong "bản điều khoản điều kiện" để khởi kiện là có căn cứ chấp nhận.

[3] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn thanh toán khoản nợ gốc, lãi, phí tính đến ngày 24.347.145đ, trong đó: Nợ gốc 20.205.501đ, nợ lãi 4.129.644đ, phí 12.000đ. Ngoài ra, bà N phải có nghĩa vụ tiếp tục trả tiền lãi kể từ ngày 07/8/2019 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

[4] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quan điểm của Tòa án nên chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Liễu Thị Minh N phải chịu án phí trên số tiền có nghĩa vụ trả cho bị đơn theo quy định của Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 92, Điều 147, Điều 228, Điều 244, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng;Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ xét xử 01 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán khoản phạt vi phạm hợp đồng 8% là 3.592.000 (ba triệu năm trăm chín mươi hai nghìn) đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn M đối với bị đơn bà Liễu Thị Minh N về tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Buộc bà Liễu Thị Minh N có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn M khoản nợ theo hợp đồng tín dụng số 1000318110194608 ngày 19/11/2018 tính đến hết ngày 06/8/2019 là 24.347.145 (hai mươi bốn triệu ba trăm bốn mươi bảy nghìn một trăm bốn mươi lăm) đồng, trong đó:

+ Nợ gốc 20.205.501 (hai mươi triệu hai trăm lẻ năm nghìn năm trăm lẻ một) đồng;

+ Nợ lãi 4.129.644 (bốn triệu một trăm hai mươi chín nghìn sáu trăm bốn mươi bốn) đồng;

+ Phí 12.000 (mười hai nghìn) đồng.

Tiền lãi được tiếp tục tính từ ngày 07/8/2019 cho đến khi bà Liễu Thị Minh N thanh toán xong các khoản nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 1000318110194608 ngày 19/11/2018 và trong bản điều khoản điều kiện.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Liễu Thị Minh N phải chịu 1.217.357 (một triệu hai trăm mười bảy nghìn ba trăm năm mươi bảy) đồng.

Trả lại cho Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn M 651.000 (sáu trăm năm mươi mốt nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0029293 ngày 18/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

5. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thị xã Dĩ An (01);
- CCTHA DS thị xã Dĩ An (01);
- Đương sự (02);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (02).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Liễng